

Bản án số: 14/2024/HS-ST
Ngày: 22 – 01 – 2024.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 8 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Trọng Trúc.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Kính.

2. Bà Thái thực Hiền.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trịnh Sơn Tùng – Thư ký Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Trần Đức Khuê – Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 265/2023/TLST-HS ngày 21 tháng 11 năm 2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 424/2023/QĐXXST-HS ngày 29 tháng 11 năm 2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 29/2023/HSST-QĐ ngày 28 tháng 12 năm 2023 và Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 25/2024/QĐXXST-HS ngày 05 tháng 01 năm 2024 đối với bị cáo:

Lê Từ T, sinh năm: 1987, tại: Thành phố Hồ Chí Minh; nơi cư trú (Hộ khẩu thường trú: Số 219/22A3 đường THĐ, phường CG, Quận M, Thành phố HCM; chỗ ở: Số 290A/98E đường DBT, Phường M, Quận T, Thành phố HCM); nghề nghiệp: Làm công; trình độ văn hóa: 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Từ H1 và bà Nguyễn Thị P1; chung sống như vợ chồng với Trần Thị Tuyết G1 (sinh năm: 1993) vào năm 2020 và có 01 (một) con chung (sinh năm: 2021); tiền án: Không; tiền sự: Không; nhân thân: Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 123/2007/HSST ngày 08/5/2007, Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 03 (ba) năm tù, về tội “Cướp giật tài sản”. Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 197/2008/HSST ngày 19/3/2008, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 12 (mười hai) năm tù, về tội “Giết người”; tổng hợp hình phạt chung của 02 (hai) bản án chấp hành là 15 (mười lăm) năm tù (đến ngày 24/8/2019, bị cáo đã chấp hành xong bản án).

Bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 20/12/2021 đến nay. (Có mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1/ Công ty Tài chính TNHH HDSG; địa chỉ trụ sở: Tầng 8, 9, 10 Tòa nhà G (số 24C PDL, Phường N, quận PN, Thành phố HCM).

Người đại diện hợp pháp: Ông Đỗ Văn D1, sinh năm; 1993; là chuyên viên Pháp lý tổ tụng, thuộc phòng thu hồi nợ của Công ty Tài chính TNHH HDSG (nơi cư trú: Tầng 8, 9, 10 Tòa nhà G (số 24C PDL, Phường N, quận PN, Thành phố HCM). (Vắng mặt).

2/ Ông: Nguyễn Văn V1, nơi cư trú: Ấp TX, xã ĐT, huyện AB, tỉnh KG. (Vắng mặt).

3/ Bà: Trần Thị Tuyết G2, sinh năm: 1993; nơi cư trú: Số 266/40/26/4 (số cũ là 266/40/20/3) đường TĐ, Phường T, Quận B, Thành phố HCM. (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 01 giờ 10 phút, ngày 20 tháng 12 năm 2022, tổ tuần tra Công an Phường 4, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh tuần tra đến trước số 61 đường ĐCM, Phường B, Quận T thì phát hiện Lê Từ T cùng một người nam thanh niên (không rõ lai lịch) có biểu hiện nghi vấn liên quan đến ma túy, nên tiến hành kiểm tra thì người nam thanh niên bỏ chạy thoát và để lại chiếc xe gắn máy biển số 68B-131.10. Qua kiểm tra, Công an phát hiện dưới đất trước đầu xe gắn máy biển số 68B-131.10 có 01 (một) gói nylon (bên trong có 02 (hai) viên nén màu xanh và 01 (một) gói nylon chứa tinh thể không màu), T khai nhận đó là ma túy của T vừa mua của người nam thanh niên nêu trên về để sử dụng. Công an Phường 4, Quận 8 thu giữ vật chứng và lập biên bản bắt người phạm tội quả tang. Sau đó, vụ việc được chuyển đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh để điều tra làm rõ.

Tại bản Kết luận giám định số 106/KL-KTHS ngày 28/12/2022 của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an Thành phố Hồ Chí Minh kết luận: Tinh thể không màu trong 01 gói nylon được niêm phong bên ngoài có chữ ký ghi tên Lê Từ T và hình dấu Công an Phường 4, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh bên trong có 01 gói nylon chứa 02 viên nén màu xanh có khối lượng 0,8222 gam là ma túy ở thể rắn, loại MDMA và 01 gói nylon chứa tinh thể màu trắng có khối lượng 2,2232 gam là ma túy ở thể rắn, loại Ketamine.

Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh; Lê Từ T khai nhận: Vào khoảng 00 giờ 30 phút, ngày 20/12/2022, do có nhu cầu sử dụng ma túy nên T dùng điện thoại di động của mình, gắn sim số 0934844827 gọi cho người nam thanh niên tên Toàn, số điện thoại 0976732131 và hỏi mua 2.400.000 đồng ma túy “hàng khay” và mua nợ 02 viên ma túy “thuốc lắc”; Toàn đồng ý và hẹn T đến khu vực đường ĐCM, Phường B, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh sẽ bán ma túy. Sau đó, T điều khiển xe gắn máy, biển số 59T2-510.05 đến điểm hẹn thì gặp Toàn đang dừng xe gắn máy biển số 68B1-131.10 trước số 61 đường ĐCM, Phường B, Quận T. Sau đó, T dừng xe cạnh xe gắn máy của Toàn và T đưa 2.400.000 đồng tiền mua ma túy cho Toàn, Toàn lấy ra từ trong túi quần của Toàn 01 (một) gói nylon (bên trong có 02 (hai) viên nén màu xanh và 01 (một) gói nylon chứa tinh thể màu trắng) ném xuống đất ngay trước đầu xe gắn máy biển

số 68B1-131.10 và nói T nhất lấy, T đi đến nhặt gói ny lon lên cầm trên tay và quay lại ngồi lên xe gắn máy nổ máy xe đi về nhà thì phát hiện có lực lượng Công an, nên T ném gói ma túy về lại chỗ ban đầu của Toàn đứng; khi đó Toàn cũng phát hiện có Công an nên đã bỏ lại chiếc xe gắn máy của Toàn và chạy bộ tẩu thoát. Sau đó, Công an kiểm tra phát hiện thu giữ toàn bộ vật chứng như nêu trên. Ngày 14/3/2023, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh có văn bản gửi Công ty dịch vụ Mobifone KV2 và Ban Thanh tra Kiểm toán Tập đoàn Công nghiệp Viễn thông Quân đội về việc xác minh và cung cấp thông tin của chủ thuê bao số điện thoại 0934844827 và chủ thuê bao số điện thoại 0976732131, nhưng đến nay vẫn chưa có kết quả.

Việc thu giữ đồ vật và vật chứng trong vụ án:

- 01 (một) gói nylon chứa 02 (hai) viên nén màu xanh, có 0,8222 gam ma túy thể rắn, loại MDMA;

- 01 (một) gói nylon chứa tinh thể màu trắng, có 2,2232 gam ma túy ở thể rắn, loại Ketamine;

- 01 (một) điện thoại di động, hiệu Iphone 11 gắn sim số 0934844827 (là điện thoại bị cáo Lê Từ T dùng để liên lạc mua ma túy);

- 01 (một) xe gắn máy biển số 68B1-131.10, số khung: LHJC290DY0147669, số máy: JC52E1210374, qua giám định số khung và số máy không thay đổi (do đối tượng bán ma túy tên “Toàn” bỏ lại tại hiện trường. Qua xác minh chiếc xe do ông Nguyễn Văn Văn đứng tên chủ sở hữu, hiện tại ông Văn vắng mặt tại địa phương, đi đâu không rõ. Ngày 16/5/2023, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 8 có văn bản đề nghị cơ quan Báo chí đăng báo tìm chủ sở hữu, nhưng đến nay chưa có kết quả.

- 01 (một) xe gắn máy biển số 59T2-510.05, số khung: RLHJK0312MY007428, số máy: JK03E-0614617, qua giám định số khung và số máy không thay đổi (Lê Từ T sử dụng để chạy xe ôm chở khách, đưa rước con và người thân trong gia đình, sau đó trên đường về nhà đã đi mua ma túy để sử dụng). Qua xác minh chiếc xe do bà Trần Thị Tuyết G2 dùng tiền cá nhân để mua tại Cửa hàng xe máy Phát Tiến, với giá 39.000.000 đồng, bằng hình thức trả góp hằng tháng 1.680.000 đồng và trả liên tục trong 18 tháng cho Công ty Tài chính TNHH HDSG và đã thanh toán xong; để thuận tiện trong việc đi lại (chạy xe ôm chở khách, đưa rước con đi học và chở người thân trong gia đình) nên bà G2 đã để cho Lê Từ T (chung sống như vợ chồng với bà G2) đứng tên chủ sở hữu chiếc xe.

Về trách nhiệm dân sự: Trong giai đoạn điều tra, phía Công ty Tài chính TNHH HDSG có yêu cầu phía bị cáo Lê Từ T thanh toán số tiền vay mua xe trả góp còn nợ là 10.224.591 đồng, trong trường hợp không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ thì yêu cầu Tòa án phán quyết giao chiếc xe gắn máy biển số 59T2-510.05, số khung: RLHJK0312MY007428, số máy: JK03E-0614617 cho cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp là chiếc xe gắn máy nêu trên để thu hồi khoản tiền còn nợ (đảm bảo cho Công ty được quyền ưu tiên thanh toán nợ theo quy định của pháp luật), nếu sau khi phát mãi chiếc xe mà vẫn không đủ thanh toán số tiền còn nợ thì yêu cầu phía bị cáo Lê Từ T có nghĩa vụ tiếp tục thanh toán số tiền nợ còn lại cho Công ty Tài chính TNHH HDSG. Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, phía Công ty Tài chính TNHH HDSG xác nhận việc bà Trần Thị Tuyết G2 (thay mặt bị cáo Lê Từ T) đã thanh toán xong cho Công ty Tài chính TNHH HDSG số tiền nợ vay mua xe trả góp là 10.224.591 đồng và

không có yêu cầu gì khác liên quan đến hợp đồng tín dụng, thế chấp chiếc xe gắn máy biển số 59T2-510.05, số khung: RLHJK0312MY007428, số máy: JK03E-0614617; đồng thời không có ý kiến về vụ án và xin vắng mặt tại phiên tòa xét xử.

Đối với người nam thanh niên tên “Toàn” bán ma túy cho bị cáo Lê Từ T, do chưa xác định được lai lịch, địa chỉ; nên Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an Quận 8 không có đủ căn cứ để xử lý trong cùng vụ án này và hiện nay Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an Quận 8 vẫn đang tiếp tục điều tra để làm rõ và xử lý sau.

Đối với bà Trần Thị Tuyết G2 (chung sống như vợ chồng với bị cáo Lê Từ T) không biết và không có liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo T; nên Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an Quận 8 không có cơ sở để xử lý.

* Bản cáo trạng số 193/CT-VKS-Q8 ngày 09/10/2023 của Viện kiểm sát nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố bị cáo Lê Từ T về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm i Khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

* Tại phiên tòa, Kiểm sát viên vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng:

- Điểm i Khoản 1 Điều 249, điểm s Khoản 1 và Khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) để xử phạt bị cáo Lê Từ T mức án 02 (hai) năm đến 03 (ba) năm tù, về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

- Miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo Lê Từ T (do bị cáo có hoàn cảnh kinh tế gia đình khó khăn, khó thi hành).

- Về vật chứng:

+ Tịch thu và tiêu hủy 01 (một) gói niêm phong bên ngoài ghi số 39/2023Q8, bên ngoài có chữ ký ghi tên Lê Từ T, hình dấu Công an Phường 4, Quận 8 và các chữ ký cán bộ điều tra Nguyễn Viết Anh, Giám định viên Trần Đình Hải (vì qua giám định bên trong chứa chất ma túy độc hại, cấm tàng trữ, cấm lưu hành).

+ Tịch thu nộp vào ngân sách nhà nước 01 (một) điện thoại di động, hiệu Iphone 11 Pro Max có gắn sim số 0934844827, số IMEI: 353895108245602 (vì đây là tài sản cá nhân của bị cáo và dùng vào việc phạm tội).

+ Trả lại cho bà Trần Thị Tuyết G2 01 (một) xe gắn máy, biển số 59T2-510.05, số khung: RLHJK0312MY007428, số máy: JK03E-0614617 (vì là tài sản cá nhân của bà G2 và không có liên quan đến vụ án).

+ Tiếp tục tạm giữ và đăng thông báo công khai trên các phương tiện thông tin đại chúng trong thời hạn 01 (một) năm, để truy tìm và trả lại cho chủ sở hữu hoặc người quản lý hợp pháp đối với 01 (một) xe gắn máy biển số 68B1-131.10, số khung: LHJC290DY0147669, số máy: JC52E1210374; nếu quá thời hạn nêu trên mà không có người thừa nhận hợp pháp thì tịch thu nộp vào ngân sách nhà nước.

* Bị cáo Lê Từ T không có ý kiến tranh luận và không tự bào chữa, bị cáo xin được giảm nhẹ hình phạt để sớm trở về với gia đình để chăm sóc con nhỏ và cha mẹ già yếu, sức khỏe kém.

* Bà Trần Thị Tuyết G2 không có ý kiến tranh luận và bà G2 xin được nhận lại chiếc xe gắn máy biển số 59T2-510.05, số khung: RLHJK0312MY007428, số máy: JK03E-0614617 để làm phương tiện đi lại, đưa rước con đi học (vì đây là tài sản cá nhân của bà G2 và bà G2 không biết bị cáo T đã dùng chiếc xe chạy xe ôm đi mua ma túy sử dụng, đồng thời bà G2 không có liên quan đến vụ án). Ngoài ra, bà G2 đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo T, để bị cáo T được sớm trở về với gia đình, cùng phụ bà G2 chăm sóc con nhỏ, chăm sóc cha mẹ của bị cáo T đã già yếu, sức khỏe kém và phụ lo cho gia đình (vì sau khi bị cáo T bị Công an bắt thì hoàn cảnh gia đình hiện nay đang gặp rất nhiều khó khăn).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của: Cơ quan điều tra Công an Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh; Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh; Kiểm sát viên: Trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo, cũng như những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến, không có khiếu nại về hành vi và quyết định của người tiến hành tố tụng, của Cơ quan tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi tố tụng, các quyết định tố tụng của người tiến hành tố tụng, của Cơ quan tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo Lê Từ T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội đã thực hiện và bị lực lượng Công an kịp thời phát hiện bắt quả tang cùng vật chứng, như nội dung Cáo trạng đã nêu.

Xét lời khai nhận của bị cáo Lê Từ T phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án và phù hợp với nội dung Cáo trạng truy tố của Viện kiểm sát nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh.

Qua giám định, chất ma túy thu giữ đủ khối lượng để truy tố đối với hành vi phạm tội của bị cáo theo quy định của Bộ luật hình sự.

Do đó, đã có đủ cơ sở để kết luận: Bị cáo Lê Từ T đã phạm vào tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” (thuộc trường hợp có 02 (hai) chất ma túy trở lên mà tổng khối lượng của các chất đó tương đương với khối lượng chất ma túy quy định tại một trong các điểm từ điểm b đến điểm h khoản này); tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm i Khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

[3] Xét thấy hành vi phạm tội của bị cáo Lê Từ T là nguy hiểm cho xã hội, nên cần phải xét xử nghiêm minh, cần phải tiếp tục cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội trong một khoảng thời gian nhất định, để bị cáo nhận thức được một cách toàn diện, đầy đủ về hành vi phạm tội của mình và sửa chữa, tu dưỡng, rèn luyện, phấn đấu thành công dân sống có ích cho xã hội. Qua đó, tiếp tục phát huy tác dụng của hình phạt; cũng như nâng cao hiệu quả của công tác phòng ngừa tội phạm chung trong xã hội.

[4] Về nhân thân và tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo Lê Từ T có quá trình nhân không tốt (từng bị Tòa án kết án về tội “Cướp giật tài sản” và tội “Giết

người’), nhưng chưa thật sự quyết tâm sửa chữa, tu dưỡng, rèn luyện và phấn đấu thành công dân sống tốt, có ích cho xã hội; nên Hội đồng xét xử cũng cần phải cân nhắc khi quyết định mức hình phạt cho tương xứng và phù hợp. Ngoài ra, tại Cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải và trước khi bị bắt thì bị cáo là lao động chính, lo cho gia đình, hiện tại bị cáo có con nhỏ dưới 36 tháng tuổi, cha và mẹ của bị cáo hiện nay đã lớn tuổi và sức khỏe kém. Do đó, Hội đồng xét xử cũng sẽ xem xét giảm nhẹ cho bị cáo một phần về hình phạt theo quy định tại điểm s Khoản 1 và Khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) mà lẽ ra bị cáo phải chịu.

[5] Bản Cáo trạng truy tố của Viện Kiểm sát nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh đối với bị cáo Lê Từ T cũng như quan điểm luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa đối với bị cáo là có cơ sở pháp luật, đúng người, đúng tội; mức án mà Kiểm sát viên đề nghị tại phiên tòa đối với bị cáo là phù hợp với tính chất, mức độ phạm tội và nhân thân của bị cáo; nên được Hội đồng xét xử chấp nhận (như Hội đồng xét xử đã phân tích nêu trên).

[6] Ý kiến của bị cáo Lê Từ T và ý kiến của bà Trần Thị Tuyết G2 về việc đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo T, tạo cơ hội cho bị cáo T được sớm trở về với gia đình để cùng phụ bà G2 chăm sóc con nhỏ, cha mẹ lớn tuổi, sức khỏe kém và phụ lo cho cuộc sống hằng ngày của gia đình là có cơ sở pháp luật để được Hội đồng xét xử chấp nhận (như Hội đồng xét xử đã phân tích nêu trên).

[7] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại Khoản 5 Điều 249 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) thì bị cáo còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản.

Xét thấy bị cáo Lê Từ T tàng trữ trái phép chất ma túy chỉ để sử dụng mà không nhằm mục đích hưởng lợi bất chính, bị cáo không phải là người có chức vụ, không có nghề nghiệp, không có công việc làm ổn định và không có tài sản; nên Hội đồng xét xử không phạt bổ sung (miễn) đối với bị cáo.

[8] Về vật chứng, tài liệu, đồ vật bị thu giữ trong vụ án:

- 01 (một) gói niêm phong bên ngoài ghi số 39/2023Q8, bên ngoài có chữ ký ghi tên Lê Từ T, hình dấu Công an Phường 4, Quận 8 và các chữ ký cán bộ điều tra Nguyễn Viết Anh, Giám định viên Trần Đình Hải: Qua giám định bên trong chứa chất ma túy độc hại, cấm tàng trữ, cấm lưu hành; nên tịch thu và tiêu hủy.

- 01 (một) điện thoại di động, hiệu Iphone 11 Pro Max có gắn sim số 0934844827, số IMEI: 353895108245602 (không kiểm tra tình trạng bên trong máy): Là tài sản hợp pháp bị cáo Lê Từ T đã sử dụng vào việc phạm tội và hiện có giá trị sử dụng, nên cần tịch thu nộp vào ngân sách nhà nước.

- 01 (một) xe gắn máy biển số 59T2-510.05, số khung: RLHJK0312MY007428, số máy: JK03E-0614617 (qua giám định số khung và số máy không thay đổi): Quá trình điều tra và tại phiên tòa, có cơ sở xác định nguồn gốc của chiếc xe nêu trên là do bà Trần Thị Tuyết G2 dùng tiền cá nhân của mình để mua chiếc xe bằng hình thức trả góp và để thuận tiện trong việc chạy xe ôm chở khách cũng như việc đi lại hằng ngày, nên bà G2 đề cho bị cáo T (là người chung sống như vợ chồng với bà G2) đứng tên chủ sở hữu chiếc

xe và đứng tên trên hợp đồng vay thế chấp tài sản là chiếc xe nêu trên cho Công ty Tài chính TNHH HDSG, nhưng hàng tháng bà G2 là người thanh toán tiền vay; hiện nay bà G2 đã thanh toán xong số tiền nợ cho Công ty Tài chính TNHH HDSG; đồng thời, giữa bị cáo T và bà G2 cùng Công ty Tài chính TNHH HDSG không có tranh chấp với nhau về chiếc xe nêu trên và bà G2 có yêu cầu Hội đồng xét xử xem xét giải quyết trả lại chiếc xe nêu trên cho bà G2 để làm phương tiện đi lại hàng ngày và đưa rước con đi học, bản thân bị cáo T cũng đồng ý và có yêu cầu Hội đồng xét xử xem xét giải quyết trả lại chiếc xe nêu trên cho bà G2, phía Công ty Tài chính TNHH HDSG không có yêu cầu liên quan đến chiếc xe và không có ý kiến về vụ án (vì bà Trần Thị Tuyết G2 thay mặt Lê Từ T đã thực hiện xong nghĩa vụ thanh toán tiền nợ cho Công ty Tài chính TNHH HDSG).

Xét thấy, để đảm bảo quyền về tài sản là động sản của chủ thể có quyền thực thụ về tài sản và qua ý kiến, yêu cầu của bị cáo T cùng bà G2 và Công ty Tài chính TNHH HDSG về chiếc xe nêu trên; nên việc trả lại cho bà G2 chiếc xe gắn máy biển số 59T2-510.05, số khung: RLHJK0312MY007428, số máy: JK03E-0614617 là phù hợp.

- 01 (một) xe gắn máy biển số 68B1-131.10, số khung: LHJC290DY0147669, số máy: JC52E1210374 (qua giám định số khung và số máy không thay đổi): Chiếc xe này do đối tượng tên gọi là Toàn (bị cáo T khai nhận là người bán ma túy cho bị cáo T) đã dùng vào việc phạm tội và hiện nay chưa xác định được chủ sở hữu hợp pháp, nên cần tiếp tục tạm giữ và đăng thông báo công khai trên các phương tiện thông tin đại chúng trong thời hạn 01 (một) năm, để truy tìm và trả lại cho chủ sở hữu hoặc người quản lý hợp pháp, nếu quá thời hạn nêu trên mà không có người thừa nhận hợp pháp thì tịch thu nộp vào ngân sách nhà nước.

[9] Về trách nhiệm dân sự: Công ty Tài chính TNHH HDSG xác nhận việc bà Trần Thị Tuyết G2 (thay mặt bị cáo Lê Từ T) đã thanh toán xong cho Công ty Tài chính TNHH HDSG số tiền nợ vay mua xe trả góp và không có yêu cầu gì khác liên quan đến hợp đồng tín dụng, thế chấp chiếc xe xe gắn máy biển số 59T2-510.05, số khung: RLHJK0312MY007428, số máy: JK03E-0614617 và đại diện của Công ty Tài chính TNHH HDSG xin vắng mặt tại phiên tòa xét xử, nên ghi nhận và không xem xét giải quyết.

[10] Đối với người thanh niên tên “Toàn” (bị cáo Lê Từ T khai nhận “Toàn” là người cung cấp bán ma túy cho bị cáo T), do chưa xác định được lai lịch, địa chỉ cụ thể; nên Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an Quận 8 không đủ cơ sở để làm rõ xử lý trong cùng vụ án này và hiện nay Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an Quận 8 vẫn đang tiếp tục điều tra làm rõ để xử lý sau, là phù hợp theo quy định của pháp luật.

[11] Đối với bà Trần Thị Tuyết G2 (chung sống như vợ chồng với bị cáo Lê Từ T) không biết và không có liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo T; nên Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an Quận 8 không có cơ sở để xử lý là phù hợp theo quy định của pháp luật.

[12] Về án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào điểm i Khoản 1 Điều 249; điểm s Khoản 1 và Khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 50 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Xử phạt: Bị cáo Lê Từ T 02 (hai) năm tù, về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Thời hạn tù tính từ ngày 20/12/2022.

- Về hình phạt bổ sung: Không phạt bổ sung (miễn) đối với bị cáo Lê Từ T.

- Về vật chứng: Căn cứ vào Khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017) và Khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;

+ Tịch thu và tiêu hủy 01 (một) gói niêm phong bên ngoài ghi số 39/2023Q8, bên ngoài có chữ ký ghi tên Lê Từ T, hình dấu Công an Phường 4, Quận 8 và các chữ ký cán bộ điều tra Nguyễn Việt Anh, Giám định viên Trần Đình Hải.

+ Trả lại cho bà Trần Thị Tuyết G2 01 (một) xe gắn máy biển số 59T2-510.05, số khung: RLHJK0312MY007428, số máy: JK03E-0614617.

+ Tịch thu nộp vào ngân sách nhà nước 01 (một) điện thoại di động, hiệu Iphone 11 Pro Max có gắn sim số 0934844827, số IMEI: 353895108245602 (không kiểm tra tình trạng bên trong máy).

+ Tiếp tục tạm giữ và đăng thông báo công khai trên các phương tiện thông tin đại chúng trong thời hạn 01 (một) năm, để truy tìm và trả lại cho chủ sở hữu hoặc người quản lý hợp pháp đối với 01 (một) xe gắn máy biển số 68B1-131.10, số khung: LHJC290DY0147669, số máy: JC52E1210374; nếu quá thời hạn nêu trên mà không có người thừa nhận hợp pháp thì tịch thu nộp vào ngân sách nhà nước.

(Theo Biên bản giao - nhận vật chứng lập ngày 17/5/2023, tại Chi cục Thi hành án dân sự Quận 8, TP.HCM).

- Về án phí hình sự sơ thẩm: Căn cứ vào Điều 135, Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Buộc bị cáo Lê Từ T phải chịu số tiền là 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng).

Thi hành tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

- Về quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt, có quyền kháng cáo phần Bản án có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt, có quyền kháng cáo phần Bản án có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày Bản án được tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- VKSND TP.HCM;
- PC.53 CA TP.HCM;
- Sở Tư pháp TP.HCM;
- VKSND Q.8;
- Chi cục THADS Q.8;
- CQĐT CAQ.8;
- CQTHAHS Q.8; NTG CAQ.8;
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng khác;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

Trần Trọng Trúc